

Dự thảo

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ NĂM 2006**

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013;

Quốc hội ban hành Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 80/2006/QHH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ

1. Bổ sung 01 Điều về các luồng chuyển giao công nghệ

ĐiềuCác luồng chuyển giao công nghệ tại Việt Nam

1. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam

1.1. Công nghệ chuyển giao dưới dạng góp vốn thành lập doanh nghiệp liên doanh hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư.

1.2. Công nghệ chuyển giao từ một bên thứ ba ở nước ngoài cho doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư tại Việt Nam .

Công nghệ di chuyển từ Tập đoàn hoặc các doanh nghiệp trong tập đoàn cho doanh nghiệp 100% của Tập đoàn tại Việt Nam không được coi là chuyển giao công nghệ.

1.3. Tổ chức, cá nhân Việt Nam mua công nghệ của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

1.4. Hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia nước ngoài.

2. Chuyển giao công nghệ trong nước

2.1. Chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2.2. Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất.

Việc chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

3. Chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài

3.1. Chuyển giao công nghệ của tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài. Đối với công nghệ được tạo ra bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước khi chuyển giao ra nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

Chính phủ quy định cụ thể nội dung và phương thức chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài và chuyển giao công nghệ trong nước.

2. Khoản 3, 7, 14, 20 và khoản 22, 23 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có”.

“7. Chợ công nghệ, hội chợ công nghệ, triển lãm công nghệ, **hoạt động kết nối cung cầu**, sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ là nơi trưng bày, giới thiệu, mua bán công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ khác về chuyển giao công nghệ”.

“20. Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là hoạt động hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoàn thiện công nghệ, sử dụng công nghệ mới, huy động vốn đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiếp thị, thực hiện thủ tục pháp lý và các dịch vụ cần thiết khác để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ”.

22. Giải mã công nghệ (reverse engineering) là quá trình khám phá những nguyên lý công nghệ của một thiết bị, đối tượng, hoặc hệ thống thông qua nghiên cứu, phân tích cấu trúc, chức năng và hoạt động của chúng nhằm bảo trì, cải tiến hoặc tạo ra thiết bị, đối tượng hoặc hệ thống mới có chức năng được nâng cấp hơn so với nguyên bản.

23. Hoạt động đổi mới công nghệ bao gồm các bước thực hiện về nghiên cứu và phát triển; áp dụng, tích hợp công nghệ, các giải pháp, quy trình về tổ chức, tài chính, kinh doanh, thương mại nhằm tạo ra một quy trình hoặc sản phẩm mới được cải tiến về tính năng, chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh trên thị trường.

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, có chính sách hỗ trợ đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp đi đầu trong ứng dụng và đổi mới công nghệ; phát triển nguồn nhân lực công nghệ đồng bộ với đầu tư đổi mới công nghệ”.

4. Điều 7 bổ sung thêm điểm d khoản 1 như sau:

“d) Các hình thức dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ với chất lượng xác định”.

5. Bổ khoản 3 Điều 8 về “Tổ chức, cá nhân có công nghệ là đối tượng sở hữu công nghiệp nhưng hết thời hạn bảo hộ hoặc không được bảo hộ tại Việt Nam có quyền chuyển giao quyền sử dụng công nghệ”.

6. Điều 10 sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Công nghệ chuyển giao có điều kiện

Phương án 1

Công nghệ chuyển giao phải đáp ứng những điều kiện nhất định nhằm bảo đảm không ảnh hưởng đến:

1. Lợi ích quốc gia;
2. Sức khỏe con người;
3. Giá trị văn hóa dân tộc;
4. Động vật, thực vật, tài nguyên, môi trường;

5. Việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

Phương án 2

1. Công nghệ sử dụng máy móc, thiết bị cũ.
2. Công nghệ tiêu tốn năng lượng.
3. Công nghệ tạo ra sản phẩm có sử dụng hóa chất độc hại hoặc phát sinh chất thải vượt quá quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.
4. Công nghệ tạo sản phẩm bằng phương pháp biến đổi gen;
5. Công nghệ sử dụng chất phóng xạ, tạo ra các chất phóng xạ.
6. Công nghệ tạo ra các sản phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người.
7. Công nghệ sử dụng tài nguyên trong nước mà tài nguyên đó đang hạn chế khai thác hoặc chưa quy hoạch sử dụng.
8. Công nghệ tạo ra sản phẩm có ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, phong tục tập quán, đạo đức, văn hóa dân tộc.
9. Công nghệ tạo ra sản phẩm phục vụ cho quốc phòng.
10. Công nghệ tạo ra các sản phẩm truyền thống có tính bản sắc dân tộc cao; công nghệ sản xuất theo kinh nghiệm, bí quyết truyền thống hoặc có sử dụng các chủng loại giống, khoáng chất, vật liệu quý hiếm đặc trưng của Việt Nam.

7. Điều 11 bổ sung thêm nội dung sau:

Việc nhập khẩu, chuyển giao và sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

8. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Phần chuyển giao công nghệ trong dự án hoặc hợp đồng sau đây:

- a) Dự án đầu tư;
- b) Hợp đồng EPC;
- b) Hợp đồng nhượng quyền thương mại;
- c) Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp;
- d) Hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị kèm theo chuyển giao công nghệ;

9. Khoản 1 và 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận, trừ những hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 và các hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ theo khoản 1 Điều 25 của Luật này.

Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc diện đăng ký hoặc cấp phép chuyển giao công nghệ thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính từ thời điểm cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ”.

10. Sửa đổi, bổ sung tên và khoản 1 Điều 25; bổ sung thêm khoản 4 Điều 25 như sau:

“Điều 25. Đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ”

“1. Các bên tham gia giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, hợp đồng chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước có giá trị hợp đồng từ 1 tỷ đồng trở lên và không thuộc Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện phải có trách nhiệm đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.

Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ cấp là cơ sở để hạch toán chi phí và chuyển trả chi phí chuyển giao công nghệ cho bên giao công nghệ, đồng thời là cơ sở để hưởng các ưu đãi theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

4. Đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký và đã thực hiện được trên một năm, hằng năm bên nhận công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong nước) hoặc bên giao công nghệ (trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài) có trách nhiệm lập báo cáo

thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ của năm trước gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các hợp đồng chuyển giao công nghệ của các tổ chức, cá nhân.

11. Bổ sung 2 Điều về dịch vụ đánh giá và định giá công nghệ

Điều..... Điều kiện thành lập tổ chức đánh giá công nghệ

Điều Điều kiện thành lập tổ chức định giá công nghệ

12. Khoản 1 Điều 34 được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Nhà nước bảo đảm tập trung nguồn lực để phát triển thị trường công nghệ theo các hình thức sau đây:

1.1. Thúc đẩy nhu cầu công nghệ

- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển năng lực công nghệ. Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực về nghiên cứu và phát triển, thiết kế và quản lý công nghệ.

- Nhà nước hỗ trợ các hoạt động xúc tiến và phát triển thị trường đối với các sản phẩm, hàng hoá dựa trên công nghệ của Việt Nam.

- Liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và nông dân để phát triển, ứng dụng, chuyển giao kỹ thuật tiến bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

1.2. Phát triển nguồn cung công nghệ

- Khuyến khích thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp dựa trên công nghệ.

- Áp dụng chính sách ưu đãi đối với công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được chuyển giao từ Viện, Trường, tổ chức KH&CN công lập, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho các Viện, Trường thành lập tổ chức dịch vụ chuyển giao công nghệ, xây dựng và ban hành cơ chế liên kết viện, trường với doanh nghiệp để thương mại hóa sản phẩm công nghệ.

- Xây dựng và ban hành cơ chế hợp tác công - tư để phát triển các cơ sở uơm tạo công nghệ trong cả nước.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khai thác, ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu được nhà nước đặt hàng.

- Xây dựng chính sách nhập khẩu công nghệ theo hướng nhập khẩu máy móc, thiết bị, dịch vụ kỹ thuật, đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn lao động và bảo vệ môi trường; khuyến khích nhập công nghệ gắn với làm chủ và nội địa hoá công nghệ trong một số lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh, trên cơ sở liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp trong nước.

- Khuyến khích thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ liên kết giữa các công ty nước ngoài với công ty và các tổ chức nghiên cứu - đào tạo của Việt Nam.

1.3. Phát triển các dịch vụ và tổ chức thúc đẩy chuyển giao công nghệ

- Phát triển các dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, giám định công nghệ, đánh giá, định giá công nghệ, dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và các dịch vụ pháp lý khác liên quan tới mua bán công nghệ. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

- Phát triển mạng lưới dịch vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao ý thức quản lý công nghệ, học hỏi công nghệ ở doanh nghiệp.

- Xây dựng và ban hành quy định về tiêu chuẩn, yêu cầu đối với lực lượng tư vấn, giám định, đánh giá và định giá công nghệ.

- Tổ chức thường xuyên các hoạt động, sự kiện công bố, phổ biến, trình diễn, trưng bày, giới thiệu công nghệ và tham gia chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ, hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ trong nước và nước ngoài.

1.4. Phát triển hạ tầng đồng bộ cho các hoạt động của thị trường khoa học và công nghệ

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thị trường công nghệ, bao gồm chợ công nghệ, hội chợ công nghệ, triển lãm công nghệ, sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao

công nghệ, trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ, trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức cung cấp dịch vụ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các dịch vụ khác do các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ cung cấp.

- Đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia với mạng lưới tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ đồng bộ đi kèm.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động chuyển giao công nghệ, trong đó bao gồm dữ liệu về hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước để hỗ trợ cho các tổ chức, các nhân có nhu cầu chuyển giao, tiếp nhận công nghệ.

- Xây dựng và ban hành quy định về bảo lãnh tín dụng bằng công nghệ và cơ chế đánh giá, định giá kèm theo.

13. Điều 40 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có nghĩa vụ giám sát, đánh giá và lập báo cáo về tình hình chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có quyền yêu cầu tổ chức được giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước định kỳ báo cáo về tình hình chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ.

4. Chính phủ ban hành chính sách thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước.

15. Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Việc phân chia thu nhập từ hoạt động chuyển giao công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản thi hành Luật Khoa học và Công nghệ.

16. Điều 43 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điều 8 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 được quyền góp vốn bằng công nghệ vào dự án đầu tư. Trong trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước thì giá trị công nghệ đưa vào góp vốn phải được định giá bởi một tổ chức định giá công nghệ có uy tín.

17. Sửa khoản 1 Điều 44 như sau:

Miễn thuế thu nhập cho tổ chức, cá nhân góp vốn Bằng sáng chế, công nghệ có giá trị từ 1 tỷ đồng trở xuống.

18. Khoản 4 và 5 Điều 51 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Chính phủ quy định cụ thể nội dung, phương thức, điều kiện chuyển giao công nghệ tại Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài vào Việt Nam. Phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động chuyển giao công nghệ”.

“5. Giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện và Danh mục công nghệ cấm chuyển giao. Đối với việc nhập khẩu, chuyển giao và sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng trường hợp cụ thể”.

19. Khoản 3 Điều 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Xây dựng Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ chuyển giao có điều kiện, Danh mục công nghệ cấm chuyển giao trình Thủ tướng Chính phủ ban hành”.

19. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia phát triển thị trường khoa học và công nghệ trình Thủ tướng ban hành.

Điều 2

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm
2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá....., kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm..... .

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Sinh Hùng